

# BẢO ĐẢM QUYỀN CÓ NGƯỜI BẢO VỆ CỦA BỊ HẠI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ - TIẾP CẬN TỪ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA

LƯU THỊ NGỌC LAN \*

*Bài viết phân tích quyền có người bảo vệ của bị hại trong tố tụng hình sự từ góc độ pháp luật quốc tế và pháp luật một số quốc gia. Trên cơ sở khái quát các chuẩn mực về quyền tiếp cận công lý, trợ giúp pháp lý và quyền có người đại diện, bài viết làm rõ nội dung, ý nghĩa của quyền này; đồng thời, chỉ ra hạn chế, bất cập; từ đó, đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật theo hướng tăng cường bảo vệ bị hại và nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho nhóm chủ thể này ở Việt Nam.*

*Từ khóa:* Bị hại; người bảo vệ; tố tụng hình sự; pháp luật quốc tế; trợ giúp pháp lý.

*This article analyzes the right of victims to legal representation in criminal proceedings from the perspectives of international law and the laws of selected countries. Based on an overview of standards relating to access to justice, legal aid, and the right to representation, the article clarifies the content and significance of this right; identifies existing limitations and shortcomings. Thereby, it proposes directions for legal improvement aimed at strengthening the protection of victims and enhancing the effectiveness of safeguarding their lawful rights and interests in Vietnam.*

*Keywords:* Victims; legal representation; criminal proceedings; international law; legal aid.

NGÀY NHẬN: 08/11/2025    NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 20/3/2026    NGÀY DUYỆT: 17/4/2026

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.363.2026.1494>

## 1. Đặt vấn đề

Trong mô hình tố tụng hình sự truyền thống, trọng tâm thường được đặt vào việc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, trong khi quyền và lợi ích của bị hại lại ít được quan tâm tương xứng. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của pháp luật quốc tế về quyền con người và xu hướng đề cao vai trò của nạn nhân trong công lý phục hồi, nhiều quốc gia đã mở rộng quyền của bị hại trong tố tụng, trong đó có quyền được trợ giúp pháp lý và quyền có người đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Bài viết phân tích quyền có người bảo vệ

của bị hại trong tố tụng hình sự từ tiếp cận pháp luật quốc tế và pháp luật một số quốc gia nhằm đề xuất một số khuyến nghị cho việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam theo hướng bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

## 2. Quy định pháp luật quốc tế và pháp luật một số quốc gia điển hình về quyền có người bảo vệ của bị hại trong tố tụng hình sự

Pháp luật quốc tế không sử dụng thuật

\* NCS của Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

ngữ “bị hại” mà thay vào đó là thuật ngữ “nạn nhân của tội phạm”. Nội hàm này phổ biến trong Tuyên bố năm 1985 về các nguyên tắc công lý cơ bản cho các nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực của Liên Hợp quốc. Trong Tuyên ngôn năm 2006 và một số điều ước khu vực như Công ước châu Âu về bồi thường cho các nạn nhân của tội phạm bạo lực năm 1983 cho rằng, nạn nhân của tội phạm không chỉ bao gồm những người bị xâm hại trực tiếp bởi tội phạm mà còn có thể là nạn nhân gián tiếp (thành viên gia đình hoặc những người sống phụ thuộc vào nạn nhân trực tiếp) và nạn nhân mở rộng (người bị tội phạm xâm hại do can thiệp để giúp đỡ nạn nhân trực tiếp hoặc ngăn chặn tội phạm). Các văn kiện pháp luật quốc tế chưa quy định trực tiếp về quyền có người bảo vệ của bị hại mà xây dựng thông qua các nhóm quyền dành cho họ, như: quyền tiếp cận công lý, quyền tham gia tố tụng, quyền được trợ giúp và hỗ trợ pháp lý, quyền được đối xử công bằng. Đây là nền tảng pháp lý cho việc thừa nhận quyền có người bảo vệ của bị hại, cụ thể:

(1) Quyền tiếp cận công lý và tham gia tố tụng được quy định trong nhiều văn kiện pháp lý quốc tế, như: Công ước của Liên Hợp quốc về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR) năm 1966, Tuyên bố của Liên Hợp quốc về các Nguyên tắc cơ bản về công lý cho nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực năm 1985 (UNGA Res. 40/34). Các văn kiện này đặt ra nghĩa vụ cho quốc gia thành viên phải bảo đảm “biện pháp khắc phục hữu hiệu” khi quyền con người bị xâm phạm; đồng thời, bảo đảm nạn nhân được tiếp cận cơ quan tài phán, cơ chế bồi thường và các “cơ chế công lý” với thủ tục nhanh chóng, công bằng, chi phí hợp lý và dễ tiếp cận, cũng như được thông tin đầy đủ về quyền và tiến trình tố tụng. Qua đó, nạn nhân không chỉ được nhìn nhận như người cung cấp chứng cứ mà là một chủ thể có lợi ích cần được lắng nghe, làm cơ sở chính đáng cho nhu cầu có

đại diện pháp lý để thực hiện quyền tham gia tố tụng một cách hiệu quả.

Tại cấp độ tài phán quốc tế, Quy chế Rome của Tòa án Hình sự quốc tế (ICC) quy định ở mức độ cao hơn khi cho phép nạn nhân trình bày “quan điểm và quan ngại” của mình ở các giai đoạn tố tụng thích hợp, thông qua đại diện pháp lý, miễn là không phương hại tới quyền của bị cáo và xét xử công bằng (Điều 68). Đây là cơ sở trực tiếp cho mô hình “luật sư của nạn nhân” trước ICC.

(2) Quyền được giúp đỡ và hỗ trợ pháp lý được đề cập đến trong nhiều văn kiện khu vực, là căn cứ để phát triển nguyên tắc hỗ trợ pháp lý cho nạn nhân. Chỉ thị 2012/29/EU của Liên minh châu Âu (EU) thiết lập “tiêu chuẩn tối thiểu” về quyền của nạn nhân, trong đó có quyền được hỗ trợ từ dịch vụ hỗ trợ nạn nhân, quyền được lắng nghe (Article 10), quyền được yêu cầu bồi thường (Article 16) và đặc biệt, quyền được trợ giúp pháp lý trong tố tụng (Article 13). Việc đặt trợ giúp pháp lý trong mối liên hệ với tư cách tố tụng của nạn nhân cho thấy, pháp luật EU thừa nhận thực chất yêu cầu có đại diện pháp lý để người bị hại tham gia trong các hoạt động tố tụng được bình đẳng hơn. Ngoài ra, các văn kiện pháp lý quốc tế khác, như: Công ước về quyền trẻ em (CRC) năm 1989, Công ước CEDAW năm 1979 về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ, Công ước Istanbul về phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ đều yêu cầu các quốc gia cung cấp hỗ trợ pháp lý, tư vấn và đại diện cho nạn nhân là nhóm yếu thế, nhất là trong các vụ án bạo lực giới và xâm hại tình dục.

(3) Bảo đảm công bằng tố tụng và cân bằng quyền lực đối với nạn nhân của tội phạm. Theo đó, các chuẩn mực về xét xử công bằng trong ICCPR và Công ước châu Âu về quyền con người (ECHR) được xây dựng chủ yếu xung quanh quyền của bị cáo nhưng đòi hỏi phải có biện pháp khắc phục hữu hiệu cho người bị xâm hại quyền (ICCPR Điều 2; ECHR Điều 13). Từ góc độ cấu trúc tố tụng, việc bảo đảm cho bị hại có đại diện pháp lý

độc lập là cách thức cụ thể để “cân bằng quyền lực” giữa bị cáo, vốn được bảo vệ chặt chẽ bởi chuẩn mực quyền được xét xử công bằng và nạn nhân vốn ở vị thế yếu hơn về thông tin, kiến thức pháp luật và khả năng tranh tụng.

Bên cạnh những quy định của pháp luật quốc tế, bảo đảm quyền có người bảo vệ của bị hại còn được xem xét trong hệ thống pháp luật quốc gia. Theo cách tiếp cận của một số quốc gia điển hình thì quyền có người bảo vệ của bị hại có một số điểm nổi bật, như:

*Thứ nhất*, các quốc gia theo hệ thống dân luật (civil law), quyền có người bảo vệ của bị hại được nhìn nhận như một phần cốt lõi của bảo đảm tố tụng công bằng. Điển hình là CHLB Đức, nơi nạn nhân của tội phạm trong các vụ án có tính chất nghiêm trọng được công nhận tư cách Nebenkläger - một chủ thể tố tụng độc lập có quyền tham gia vào toàn bộ quá trình tố tụng. *Bộ luật Tố tụng hình sự* CHLB Đức (Strafprozessordnung - StPO) quy định cụ thể về quyền có luật sư của nạn nhân trong tố tụng hình sự. Theo Điều 397 StPO, họ có thể thuê luật sư riêng để tham gia tranh luận, đặt câu hỏi và yêu cầu thu thập chứng cứ; đồng thời, Điều 397a StPO cho phép Tòa án chỉ định người bảo vệ miễn phí trong trường hợp vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng hoặc khi nạn nhân của tội phạm thuộc nhóm dễ bị tổn thương.

Ở Cộng hòa Pháp, quyền của bị hại còn được mở rộng hơn thông qua thiết chế nguyên đơn dân sự, cho phép họ tham gia tố tụng như một bên dân sự độc lập. *Bộ luật Tố tụng hình sự* Cộng hòa Pháp (Code de procédure pénale - CPP) xác lập nền tảng pháp lý rõ ràng cho cơ chế này. Theo Điều 2 CPP, bị hại có thể khởi tố dân sự trong khuôn khổ tố tụng hình sự để yêu cầu bồi thường. Các Điều 6, 10-2, 82-1 và 85 CPP trao cho bị hại quyền thuê luật sư, quyền yêu cầu Thẩm phán tiến hành các biện pháp điều tra bổ sung và quyền tham gia hỏi cung, tranh luận tại phiên tòa. Đáng chú ý, Điều 91 CPP quy định cơ chế trợ giúp pháp lý miễn phí dành

cho bị hại trong các trường hợp đặc biệt, thể hiện cam kết bảo đảm tiếp cận công lý cho những nhóm yếu thế.

Tại Italia, thừa nhận vai trò của nạn nhân của tội phạm thông qua tư cách nguyên đơn dân sự, tạo điều kiện cho họ tham gia tố tụng nhằm bảo vệ quyền dân sự; đồng thời, tham gia tranh tụng thông qua luật sư đại diện. *Bộ luật Tố tụng hình sự* Italia dành nhiều điều khoản quy định quyền của nạn nhân. Điều 90 bảo đảm nạn nhân được thông tin đầy đủ về thủ tục tố tụng; Điều 91 cho phép họ chỉ định một hoặc nhiều luật sư đại diện trong toàn bộ quá trình tố tụng; và Điều 101 trao quyền đề xuất chứng cứ, đặt câu hỏi, đối chất và tham gia tranh luận. Đối với những nạn nhân có hoàn cảnh kinh tế khó khăn hoặc thuộc nhóm đặc biệt, Điều 98 *Bộ luật Tố tụng hình sự* Italia điều chỉnh cơ chế trợ giúp pháp lý từ ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm sự bình đẳng thực chất trong việc tiếp cận quyền được bào chữa.

Có thể thấy, điểm chung nổi bật của hệ thống dân luật là sự thừa nhận bị hại/nạn nhân của tội phạm như một chủ thể độc lập có quyền chủ động bảo vệ lợi ích của mình, không chỉ với tư cách người bị thiệt hại mà còn như một bên có quyền tố tụng. Quyền được có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp không chỉ được cho phép mà còn được thể chế hóa thông qua các cơ chế chỉ định, hỗ trợ pháp lý và quyền tham gia tranh tụng tương đối rộng. Mô hình này thể hiện tư duy trong nền tư pháp hình sự hiện đại, nơi mà nạn nhân không bị xem là đối tượng thụ động mà là chủ thể tích cực, góp phần tạo nên sự cân bằng quyền lực trong tố tụng.

*Thứ hai*, các quốc gia theo hệ thống thông luật (common law) lại không thừa nhận nạn nhân như một “bên tố tụng độc lập” trong vụ án hình sự, bởi mô hình này tập trung vào đối trọng giữa bên công tố (buộc tội) và bên bị cáo (gỡ tội). Tuy nhiên, sự phát triển của phong trào bảo vệ quyền nạn nhân và những bất cập trong việc bảo đảm “tiếng nói” cho họ đã thúc đẩy một số quốc gia, như: Anh, Hoa Kỳ,

Canada hình thành hệ thống bảo vệ pháp lý dành riêng cho nạn nhân, bao gồm: quyền được luật sư hỗ trợ, quyền được lắng nghe tại tòa, quyền yêu cầu bồi thường.

Tại Hoa Kỳ, quyền của nạn nhân được pháp điển hóa tương đối sớm qua *Đạo luật về quyền của nạn nhân và bồi thường* năm 1990 và đặc biệt là *Đạo luật về quyền của nạn nhân tội phạm* năm 2004. Theo 18 U.S.C. § 3771, nạn nhân có quyền “được tham vấn hợp lý” với cơ quan công tố, quyền “được nghe” tại các phiên tòa liên quan đến bảo lãnh, thỏa thuận nhận tội và tuyên án cũng như quyền yêu cầu bồi thường. Mặc dù pháp luật Hoa Kỳ không cho phép luật sư của nạn nhân tham gia tranh luận về vấn đề buộc tội, nhưng nạn nhân được quyền thuê luật sư để hỗ trợ việc thực thi các quyền này và để nộp các đơn kiến nghị bảo vệ lợi ích của mình. Nhiều bang còn cho phép nạn nhân yêu cầu tòa chỉ định luật sư trong các vụ án có yếu tố bạo lực nghiêm trọng, đặc biệt đối với trẻ em và nạn nhân bạo lực gia đình.

Ở Vương quốc Anh, mô hình bảo vệ nạn nhân chủ yếu dựa trên *Mã nạn nhân* 2015, một văn bản quy định quyền của nạn nhân trong quá trình tố tụng. Nạn nhân có quyền được tư vấn pháp lý, được hỗ trợ từ hệ thống hỗ trợ nạn nhân và được trình bày tại phiên tòa tuyên án. Mặc dù nạn nhân không được phép can thiệp vào “tranh tụng” giữa công tố và bị cáo, luật sư đại diện của nạn nhân có thể hỗ trợ nạn nhân trong các thủ tục liên quan đến bảo vệ, giám định, yêu cầu bồi thường và trong một số trường hợp, có thể yêu cầu tòa hạn chế việc thẩm vấn mang tính xâm hại nhân phẩm, đặc biệt trong các vụ án tình dục.

Trong khi đó, Canada là quốc gia có bước tiến mạnh trong việc tăng quyền của nạn nhân. *Dự kiến về quyền của nạn nhân ở Canada* năm 2015 đã quy định bốn nhóm quyền cơ bản: quyền được thông tin, quyền được bảo vệ, quyền được tham gia và quyền yêu cầu bồi thường. Tòa án Tối cao Canada còn công nhận rằng, nạn nhân của tội phạm có quyền được đại diện pháp lý độc lập trong

các tình huống mà quyền riêng tư hoặc sự an toàn của họ bị đe dọa, điển hình là trong các vụ án xâm hại tình dục. Luật sư của nạn nhân có thể tham gia tranh tụng khi vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền hiến định của nạn nhân, đặc biệt là quyền riêng tư đối với hồ sơ cá nhân.

Nhìn chung, các quốc gia thuộc hệ thống thông luật không trao cho nạn nhân địa vị “bên tố tụng” rộng nhưng họ phát triển cơ chế hỗ trợ pháp lý chuyên biệt và bảo đảm cho nạn nhân quyền có luật sư trong những tình huống cụ thể. Điểm nổi bật của mô hình này là sự tập trung vào bảo vệ quyền nhân phẩm, quyền riêng tư và quyền được lắng nghe. Điều này phản ánh triết lý tố tụng rằng, dù quyền của nạn nhân được mở rộng, trọng tâm tố tụng vẫn đặt vào hoạt động tranh tụng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội; đồng thời, bảo đảm tiếng nói của nạn nhân của tội phạm không bị bỏ quên trong tiến trình tư pháp hình sự.

### 3. Quy định của pháp luật Việt Nam về quyền có người bảo vệ của bị hại trong tố tụng hình sự

Theo *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định tương đối rõ về địa vị tố tụng của bị hại. Điều 62 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 xác định bị hại có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp để thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo luật định, bao gồm: quyền đưa ra chứng cứ, trình bày ý kiến, đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện các hoạt động điều tra.

*Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã ghi nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là một chủ thể tham gia tố tụng có địa vị pháp lý độc lập. Chủ thể này không đồng nhất với bị hại và cũng không thuộc nhóm cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, song lại được tham gia vào quá trình giải quyết vụ án hình sự xuyên suốt từ giai đoạn điều tra đến xét xử vụ án. Việc pháp luật thừa nhận tư cách tố tụng độc lập của người bảo vệ bị hại thể hiện bước

tiến quan trọng trong việc hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền con người và công bằng tố tụng. Sự tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại góp phần tạo lập thế cân bằng trong cơ chế tranh tụng tại phiên tòa. Trong khi bị can, bị cáo được pháp luật bảo đảm quyền bào chữa thông qua người bào chữa, thì nếu bị hại không có sự hỗ trợ pháp lý tương xứng, họ dễ rơi vào vị thế bất lợi trong quá trình tố tụng. Do đó, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sự bình đẳng giữa các bên tham gia tố tụng; đồng thời, khẳng định các nguyên tắc dân chủ, công khai và công bằng trong tố tụng hình sự.

Theo đó, quyền được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được hình thành trên cơ sở pháp lý tương đối toàn diện, thể hiện nỗ lực của cơ quan lập pháp trong việc tăng cường vai trò của bị hại như một chủ thể tố tụng độc lập. Quy định này được cụ thể hóa tại Điều 84 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015, theo đó, người bảo vệ có thể là luật sư, trợ giúp viên pháp lý, người đại diện hợp pháp hoặc cá nhân khác được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận và được quyền tham gia vào mọi giai đoạn tố tụng, thực hiện các hoạt động thu thập chứng cứ, trình bày quan điểm và đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ quyền lợi của bị hại. Cách tiếp cận này xác định người bảo vệ không chỉ là “người hỗ trợ kỹ thuật pháp lý” mà là một chủ thể tố tụng độc lập, có quyền năng rõ ràng và được pháp luật bảo đảm.

Cùng với đó, các nghị định, thông tư hướng dẫn áp dụng *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 đã đưa ra những quy định chi tiết về thủ tục cấp giấy chứng nhận người bảo vệ, quyền tiếp cận hồ sơ, cơ chế giám sát và xử lý vi phạm giúp hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao tính minh bạch trong quá trình tố tụng. Nhờ đó, quyền có người bảo vệ của bị hại được bảo đảm không chỉ trên phương diện quy phạm mà còn trong thực tiễn áp dụng.

Mặc dù pháp luật tố tụng hình sự của Việt Nam đã ghi nhận quyền của bị hại trong việc

bảo vệ lợi ích hợp pháp, tuy nhiên, quy định về quyền có người bảo vệ của bị hại vẫn còn một số hạn chế nhất định, như:

(1) Pháp luật chưa xác định rõ phạm vi và nội hàm của quyền này, dễ dẫn đến việc hiểu rằng, bị hại chỉ có quyền “tự bảo vệ” hoặc “nhờ luật sư bảo vệ quyền lợi” chứ không đầy đủ như bị can, bị cáo. Điều này làm giảm vị thế tố tụng của bị hại trong quá trình chứng minh sự thật khách quan của vụ án.

(2) Việc tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại còn phụ thuộc nhiều vào giai đoạn tố tụng và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, dẫn tới nguy cơ bị hạn chế tiếp cận hồ sơ, chứng cứ.

(3) Pháp luật chưa quy định cơ chế hỗ trợ pháp lý hiệu quả cho bị hại, đặc biệt với nhóm yếu thế, như: trẻ em, người khuyết tật, nạn nhân bạo lực gia đình; quyền kiến nghị, yêu cầu của bị hại trong tố tụng hình sự chưa được bảo đảm đầy đủ, dễ dẫn đến tình trạng tiếng nói của họ chưa thực sự được coi trọng trong quá trình giải quyết vụ án.

#### 4. Một số giải pháp

*Thứ nhất, Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) tuy đã thừa nhận bị hại là một chủ thể tố tụng với quyền có người bảo vệ, nhưng phạm vi quyền này còn thiên về tính “bình luận” và “đề nghị”; đồng thời, quyền của bị hại còn một số hạn chế nhất định. Do đó trong thời gian tới, cần:

(1) Xây dựng các văn bản hướng dẫn minh bạch, nêu rõ quyền truy cập hồ sơ, chứng cứ, quyền tham gia hỏi cung, quyền yêu cầu cơ quan tố tụng cung cấp thông tin và giải thích các quyết định tố tụng liên quan đến bị hại. Các quy định này phải có tính bắt buộc, có chế tài rõ ràng đối với các cơ quan tố tụng khi vi phạm quyền tiếp cận thông tin nhằm bảo đảm quyền lợi của bị hại được thực hiện đầy đủ và kịp thời.

(2) Chuẩn hóa và hiện đại hóa cơ chế cung cấp thông tin. Việc xây dựng một hệ thống hồ sơ điện tử tập trung, nơi người bảo vệ bị hại có thể theo dõi tiến trình vụ án, truy cập hồ sơ

và chứng cứ một cách nhanh chóng sẽ giúp giảm thiểu tình trạng chậm trễ hoặc bị hạn chế tiếp cận; đồng thời, tăng cường tính minh bạch trong hoạt động tố tụng.

(3) Thiết lập cơ chế giám sát độc lập hoặc cơ quan trung gian theo dõi việc cung cấp hồ sơ, chứng cứ nhằm bảo đảm các quyền của bị hại không bị xâm hại. Việc kết hợp giữa công nghệ thông tin, cơ chế giám sát và quy định pháp luật chi tiết sẽ tạo ra một môi trường tố tụng minh bạch, có trách nhiệm giải trình, phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Sửa đổi theo hướng mở rộng quyền tham gia tố tụng của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Những quyền này bao gồm: quyền đề nghị triệu tập người làm chứng, yêu cầu áp dụng biện pháp điều tra bổ sung, tham gia tranh luận theo hướng độc lập. Đây là bước cần thiết để biến vị thế “chủ thể” của bị hại từ hình thức sang thực chất.

(4) Tăng cường bảo vệ quyền riêng tư và nhân phẩm của bị hại, đặc biệt là trong các vụ án xâm hại tình dục. Tham khảo pháp luật của Canada và Anh, luật sư đại diện nạn nhân cần được trao quyền yêu cầu hạn chế công khai thông tin cá nhân, phản đối câu hỏi mang tính xúc phạm tại phiên tòa và kiến nghị biện pháp bảo vệ khẩn cấp khi nạn nhân bị đe dọa.

*Thứ hai*, cơ chế trợ giúp pháp lý dành cho bị hại cũng cần được mở rộng. Hiện nay, *Luật Trợ giúp pháp lý* năm 2017 chỉ tập trung vào các nhóm yếu thế, khiến nhiều bị hại của một số loại tội phạm nghiêm trọng khó tiếp cận pháp lý hiệu quả nếu không đủ khả năng tài chính. Do vậy, cần thiết lập cơ chế chỉ định bắt buộc đối với các vụ án bạo lực gia đình, xâm hại tình dục, xâm hại trẻ em hoặc tội phạm có tính chất tàn bạo; đồng thời, phát triển quỹ trợ giúp pháp lý dành riêng cho bị hại của những loại hành vi này.

*Thứ ba*, cần bổ sung cơ chế lắng nghe tiếng nói của nạn nhân trong tố tụng hình sự, bởi đây là công cụ quan trọng để tái lập sự cân

bằng trong tố tụng, giúp Hội đồng xét xử có cái nhìn toàn diện hơn về tác động của tội phạm; đồng thời, gia tăng khả năng hồi phục của bị hại.

*Thứ tư*, để hoàn thiện pháp luật và áp dụng pháp luật đạt hiệu quả, cần đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực của những người tiến hành tố tụng trong giao tiếp và làm việc với bị hại. Đồng thời, cần phát triển các thiết chế hỗ trợ ngoài tố tụng, như: trung tâm hỗ trợ nạn nhân, mạng lưới tư vấn tâm lý - pháp lý và cơ chế phối hợp liên ngành để bảo đảm quyền và lợi ích của bị hại được thực thi trên thực tế. Cùng với đó, để bảo đảm quyền có người bảo vệ của bị hại theo hướng tiến bộ và tiệm cận chuẩn mực quốc tế, Việt Nam cần mở rộng phạm vi quyền tố tụng, tăng cường trợ giúp pháp lý, thiết lập cơ chế để họ được lắng nghe, bảo vệ quyền riêng tư và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tư pháp. Những cải cách này không chỉ bảo đảm quyền con người mà còn tăng tính công bằng, minh bạch và nhân văn của tư pháp hình sự Việt Nam □

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Quốc hội (2015, 2025). *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).
2. Quốc hội (2017). *Luật Trợ giúp pháp lý* năm 2017.
3. United Nations (1985). *Declaration of Basic Principles of Justice for Victims of Crime and Abuse of Power*.
4. Council of Europe. *European Convention on Human Rights (ECHR)*.
5. European Union (2012). *Directive 2012/29/EU establishing minimum standards on the rights, support and protection of victims of crime*.
6. Strafprozessordnung (StPO) - German Code of Criminal Procedure.
7. *Code de procédure pénale (CPP) - French Code of Criminal Procedure*.
8. *Codice di Procedura Penale - Italian Code of Criminal Procedure*.
9. U.S. Department of Justice (2004). *Crime Victims' Rights Act (18 U.S.C. § 3771)*.
10. UK Ministry of Justice (2015). *Victims' Code*.
11. Supreme Court of Canada (1999). *R v. Mills*. [1999] 3 S.C.R. 668.